

# TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH MÔI TRƯỜNG TẠI LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH THỰC THI EVFTA

ThS NGUYỄN HỮU KHÁNH LINH<sup>(1)</sup>; ThS BÙI THỊ QUỲNH TRANG<sup>(2)</sup>

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Hue University of Law

Email: (1) linhnhk@hul.edu.vn; (2) trangbtq@hul.edu.vn

ThS TRỊNH MINH VƯƠNG

Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh City Inspectorate

Email: tmvuong.thanhtra@tphcm.gov.vn

## Tóm tắt

Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (European-Vietnam Free Trade Agreement, EVFTA) yêu cầu các quốc gia thành viên thúc đẩy trách nhiệm xã hội và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực môi trường. Theo đó, Liên minh châu Âu (European Union, EU) đã cụ thể hóa cam kết phát triển bền vững này bằng việc ban hành các quy định Chỉ thị Báo cáo bền vững (Corporate Sustainability Reporting Directive, CSRD) và Chỉ thị Thẩm định tính bền vững của Doanh nghiệp (EU Corporate Sustainability Due Diligence Directive, CSDDD). Những quy định này không chỉ áp dụng cho doanh nghiệp EU mà còn ảnh hưởng mạnh tới doanh nghiệp ở các nước khác, trong đó có Việt Nam, nếu muốn duy trì khả năng tiếp cận thị trường EU. Trong khi đó, Việt Nam chưa có cơ chế pháp lý bắt buộc về trách nhiệm giải trình môi trường, dẫn đến sự không tương thích với cam kết EVFTA và tạo rào cản cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam. Bài viết đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình môi trường và thúc đẩy quản lý chuỗi cung ứng có trách nhiệm, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững của nền kinh tế.

**Từ khóa:** trách nhiệm giải trình môi trường, doanh nghiệp, EVFTA, Việt Nam, EU

## Abstract

The European Union –Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) obliges the Parties to promote corporate social responsibility and accountability, particularly in environmental matters. In this regard, the European Union has operationalized its sustainability commitments through instruments such as the Corporate Sustainability Reporting Directive (CSRD), and the Corporate Sustainability Due Diligence Directive (CSDDD). These measures extend beyond EU companies, significantly affecting third-country enterprises, including those in Vietnam, seeking access to the EU market. However, Vietnam currently lacks binding regulations on corporate environmental accountability, resulting in inconsistency with EVFTA commitments and creating competitive barriers for domestic firms. This paper therefore proposes legal reforms to strengthen environmental accountability and foster responsible supply chain governance, thereby enhancing the sustainable competitiveness of Vietnam's economy.

**Keywords:** environmental accountability, corporations, EVFTA, Vietnam, EU

**DOI:** <https://doi.org/10.70236/khplvn.520>

**Ngày nhận bài:** 01/03/2025

**Ngày duyệt đăng:** 15/12/2025

**T**rong bối cảnh hiện nay, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới luôn dành sự quan tâm rất lớn đến chiến lược phát triển bền vững nhằm tạo ra sự cân bằng giữa thương mại và bảo vệ các lợi ích công cộng. Tiêu biểu, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (European-Vietnam Free Trade Agreement, EVFTA) được ký kết không chỉ nhằm thúc đẩy tự do hóa thương mại, mà còn thể hiện định hướng rõ ràng về phát triển bền vững. Cụ thể, EVFTA lồng ghép các điều khoản liên quan đến lao động, môi trường và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (corporate social responsibilities, CSR), trong đó nhấn mạnh yêu cầu về trách nhiệm giải trình trong lĩnh vực môi trường như một phần cốt lõi của thương mại công bằng và bền vững.

Bên cạnh các quy định chung về việc duy trì khung pháp lý đối với tiêu chuẩn môi trường, EVFTA còn nhấn mạnh nghĩa vụ của các bên ký kết trong việc thúc đẩy trách nhiệm xã hội và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp trong các lĩnh vực như môi trường và lao động. Phù hợp với các quy định này của EVFTA, EU đã không ngừng hoàn thiện khung pháp lý nội khối, đặc biệt trong việc luật hóa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và củng cố cơ chế trách nhiệm giải trình môi trường. Đặc biệt, EU đã ban hành Chỉ thị về Thẩm định tính bền vững của doanh nghiệp (*Corporate sustainability due diligence Directive*, CSDDD). Một điểm nổi bật trong chiến lược của EU về nâng cao trách nhiệm giải trình trong giai đoạn mới hiện nay là mở rộng phạm vi tác động. Những quy định của CSDDD không chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp EU, mà còn có ảnh hưởng lan tỏa đến các đối tác thương mại ngoài EU – bao gồm cả Việt Nam – thông qua việc thiết lập các tiêu chuẩn bắt buộc hoặc khuyến khích trong toàn bộ chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường EU phải đối mặt với áp lực ngày càng lớn trong việc tuân thủ các yêu cầu khắt khe về bảo vệ môi trường và báo cáo minh bạch. Điều này được xem là một thách thức rất lớn đối với các doanh nghiệp ở một quốc gia đang phát triển Việt Nam, nơi các quy định liên quan đến trách nhiệm giải trình cũng như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lĩnh vực môi trường vẫn còn tồn tại những hạn chế đáng kể.

Bài viết này nhằm đạt được ba mục tiêu học thuật chính: (i) làm rõ khái niệm “trách nhiệm giải trình môi trường của doanh nghiệp” dưới góc độ pháp lý; (ii) phân tích và đối chiếu các quy định pháp luật hiện hành của EU và Việt Nam liên quan đến trách nhiệm giải trình môi trường; và (iii) đề xuất các định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trách nhiệm giải trình môi trường nhằm đáp ứng tốt hơn các cam kết trong khuôn khổ các FTA thế hệ mới như EVFTA.

## 1. Trách nhiệm giải trình môi trường của doanh nghiệp

### 1.1. Khái niệm trách nhiệm giải trình môi trường

Trách nhiệm giải trình môi trường (*environmental accountability*) là một cấu phần quan trọng trong khái niệm rộng hơn về CSR. Thuật ngữ “*accountability*” (trách nhiệm giải trình) đã được hình thành và phát triển trong bối cảnh các tranh luận liên quan đến quản trị môi trường toàn cầu.<sup>1</sup> Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế và sự gia tăng các yêu cầu đối với quản trị môi trường xuyên biên giới, các công ty đa quốc gia được kỳ vọng sẽ tham gia tích cực vào việc xây dựng một khung pháp lý nhất quán và hiệu quả hơn đối với các quyết định có tác động đến môi trường ở tất cả các cấp độ quản trị. Trên cơ sở đó, khái niệm “*accountability*” được hiểu theo nghĩa rộng là nghĩa vụ của các chủ thể trong việc chịu trách nhiệm trước các quyết định và hoạt động của mình, đồng thời có trách nhiệm cung cấp thông tin, giải thích và lý giải các hành vi đó khi được yêu cầu bởi các bên liên quan.<sup>2</sup>

Cách tiếp cận nêu trên được ghi nhận trong các văn kiện của Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển Bền vững (*World summit on sustainable development*, WSSD), trong đó khái niệm “trách nhiệm giải trình” được xác định thông qua ba yếu tố cấu thành cơ bản, bao gồm: tính minh bạch, nghĩa vụ trả lời (*answerability*) và nghĩa vụ báo

1 World Resources Institute và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), *Human Development Report 1999*, Nxb. Đại học Oxford, New York, 1999, tr. 100.

2 Millennium Ecosystem Assessment, *Ecosystems and human well-being: Biodiversity synthesis*, World Resources Institute, Washington, 2005, tr. 108.

cáo. Đồng thời, cách hiểu này cũng được cụ thể hóa trong định nghĩa do Báo cáo viên đặc biệt của Liên hợp quốc về Kinh doanh và quyền con người đưa ra, theo đó, “*accountability*” được xem là cơ chế buộc các doanh nghiệp thực hiện những nghĩa vụ nhất định, dựa trên các nguyên tắc tham gia, minh bạch và giám sát.<sup>3</sup>

Trên cơ sở đó, trách nhiệm giải trình được nhìn nhận theo hướng mở rộng phạm vi các chủ thể liên quan vượt ra ngoài giới hạn của các cổ đông, nhằm bao quát toàn bộ các nhóm lợi ích có thể bị ảnh hưởng bởi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như cơ quan nhà nước, người lao động, nhà đầu tư, người tiêu dùng, nhà cung ứng, cộng đồng địa phương, các tổ chức xã hội dân sự và công chúng nói chung. Quan điểm này tương thích với cách diễn giải thuật ngữ “*accountability*” theo hướng nhấn mạnh đến trách nhiệm giải thích và chịu sự đánh giá từ phía các chủ thể có liên quan.<sup>4</sup> Ở một phương diện khác, trách nhiệm giải trình có mối liên hệ mật thiết với nghĩa vụ công bố thông tin – vốn là biểu hiện cụ thể của nguyên tắc minh bạch – như được phản ánh trong Kế hoạch thực hiện của WSSD tại Cộng hòa Pháp.<sup>5</sup>

Từ góc độ lý luận, có thể xác lập mối tương quan giữa trách nhiệm giải trình môi trường của doanh nghiệp với phương diện thủ tục trong nghĩa vụ tôn trọng quyền con người của khu vực tư nhân – được cụ thể hóa qua khái niệm “thẩm định pháp lý” (*due diligence*) (BBT: Due diligence sao có thể là thẩm định trách nhiệm? Tác giả đã rà soát và chỉnh sửa). Trong bối cảnh pháp lý quốc tế, nội hàm của nghĩa vụ thẩm định đã được chuẩn hóa trong Bộ Nguyên tắc Hướng dẫn năm 2011 của Liên hợp quốc về Kinh doanh và quyền con người (*United Nations Guiding principles on business and human rights*, UNGP), qua đó thiết lập một khuôn khổ thủ tục nhằm đảm bảo rằng các doanh nghiệp xác định, ngăn ngừa, giảm thiểu và giải trình về các tác động tiêu cực đến quyền con người và môi trường mà hoạt động của họ có thể gây ra. Cụ thể, nghĩa vụ thẩm định bao gồm bốn nội dung cốt lõi: (i) tiến hành đánh giá các tác động thực tế và tiềm tàng đối với quyền con người và môi trường thông qua các hình thức tham vấn có ý nghĩa với các nhóm có khả năng bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác, được thực hiện tại các thời điểm phù hợp; (ii) tích hợp các phát hiện từ quá trình đánh giá vào cơ chế ra quyết định nội bộ của doanh nghiệp, bao gồm việc phân bổ nguồn lực tài chính và thiết lập cơ chế giám sát phù hợp; (iii) tổ chức theo dõi và đánh giá hiệu quả của các biện pháp ứng phó, bao gồm việc tiếp nhận và xử lý phản hồi từ các bên liên quan bị ảnh hưởng; và (iv) thực hiện nghĩa vụ truyền đạt thông tin một cách rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận về cách thức doanh nghiệp xử lý các tác động tiêu cực, qua đó cho phép các bên liên quan đánh giá mức độ thỏa đáng của các phản ứng được đưa ra.<sup>6</sup>

## 2.2. Trách nhiệm giải trình môi trường của doanh nghiệp trong bối cảnh EVFTA

Trong EVFTA, các cam kết môi trường đã trở thành phần không thể thiếu nhằm đảm bảo rằng quá trình hội nhập quốc tế không dẫn đến việc giảm thiểu tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

3 Human Rights Council, United Nations, *Report of the Special Representative of the Secretary-General on the Issue of Human Rights and Transnational Corporations and Other Business Enterprises*, John Ruggie. *Business and human rights : mapping international standards of responsibility and accountability for corporate acts*, UN Doc A/HRC/4/35, 2007, tr. 6.

4 Michael Mason, *The new accountability: Environmental responsibility across borders*, Earthscan, 2005, tr. 3.

5 James Harrison, “Establishing a meaningful human rights due diligence process for corporations: Learning from experience of human rights impact assessment”, *Impact Assessment and Project Appraisal*, Vol. 31(2), 2013, tr. 107–117, DOI: <https://doi.org/10.1080/14615517.2013.774718>

6 UN Guiding Principles, đoạn 17–21.

Ngoài ra, EVFTA đặt ra yêu cầu về việc đẩy mạnh trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong đó bao gồm cả trách nhiệm giải trình trong lĩnh vực môi trường. Vấn đề này được đề cập trong hai điều khoản tại Chương 3 (Thương mại và phát triển bền vững) của EVFTA như sau: Điều 13.10 (e) (Thương mại và đầu tư vì phát triển bền vững) quy định rằng, phù hợp với pháp luật và chính sách trong nước của mình, các Bên thống nhất thúc đẩy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (...). Các biện pháp nhằm thúc đẩy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp bao gồm, nhưng không giới hạn ở, trao đổi thông tin và thực tiễn tốt, hoạt động giáo dục và đào tạo, cũng như hỗ trợ kỹ thuật. Điều khoản này cũng bổ sung rằng: “trong vấn đề này, mỗi Bên sẽ cân nhắc đến các công cụ quốc tế có liên quan đã được thông qua hoặc được Bên đó ủng hộ, chẳng hạn như Hướng dẫn của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (*Organisation for Economic co-operation and development*, OECD) dành cho các doanh nghiệp đa quốc gia.”

Điều 13.14 yêu cầu cả hai Bên thúc đẩy CSR và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, bao gồm cả việc tuân thủ các công cụ quốc tế đã được mỗi Bên thông qua hoặc ủng hộ. Quy định này nhằm thúc đẩy EU và Việt Nam hợp tác xây dựng và thực thi các quy định về trách nhiệm xã hội và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, phù hợp với bối cảnh pháp luật trong nước và các cam kết quốc tế mà mỗi bên đã tham gia, đặc biệt là các công ước cốt lõi của Tổ chức Lao động quốc tế (*International Labour Organization*, ILO), OECD và UNGP.

### **3. So sánh pháp luật Liên minh châu Âu và Việt Nam về trách nhiệm giải trình môi trường trên cơ sở liên kết với EVFTA**

#### **3.1. Trách nhiệm giải trình môi trường theo quy định của Liên minh châu Âu**

Trách nhiệm giải trình môi trường được quy định trong hệ thống pháp luật của EU thông qua các văn kiện pháp lý quan trọng như CSRD, CSDDD, và ESRS. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, các nghiên cứu sẽ tập trung vào quy định của CSDDD với tư cách là một công cụ hiệu quả để thúc đẩy trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

CSDDD chính thức được thông qua vào ngày 24/04/2024, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong quá trình lồng ghép các nguyên tắc phát triển bền vững vào mô hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.<sup>7</sup> Khái niệm “trách nhiệm giải trình” giữ vị trí trung tâm trong định hướng lập pháp của EU về thẩm định được quy định tại CSDDD.<sup>8</sup> Đặc biệt, CSDDD được xem là sẽ mở ra một chương mới cho vấn đề nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, bao gồm cả trách nhiệm giải trình môi trường tại các quốc gia thuộc EU và thậm chí tại các quốc gia khác ngoài khu vực. Bản đề xuất của Ủy ban châu Âu về CSDDD đã nêu rõ Chỉ thị sẽ “tăng cường trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp đối với các tác động tiêu cực”. EU cũng nhấn mạnh yêu cầu thẩm định sẽ là công cụ chính để các doanh nghiệp “thực hiện trách nhiệm của mình đối với con người và môi trường”.

7 Juan Dempere, Eseroghene Udjo and Paulo Mattos, “The entrepreneurial impact of the European directive on corporate sustainability due diligence”, *Administrative Sciences*, Vol. 14(10), 2024, tr. 3–4, DOI: <https://doi.org/10.3390/admsci14100266>

8 Tarik Lazouni, *Civil society advocacy for human rights and environmental corporate accountability: The case of the EU corporate sustainability due diligence directive*, Internship-based Thesis, University of Geneva – Department of Sociology, 2022.

Theo quy định của CSDDD, các doanh nghiệp có nghĩa vụ tích hợp thẩm định môi trường vào chính sách nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro của mình.<sup>9</sup> Doanh nghiệp có trách nhiệm xác định và đánh giá các tác động tiêu cực (thực tế hoặc tiềm tàng) đối với môi trường, phát sinh từ hoạt động của chính mình, công ty con, cũng như các đối tác kinh doanh – trong phạm vi có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.<sup>10</sup> Quá trình đánh giá cần được thực hiện trên cơ sở phương pháp tiếp cận dựa vào rủi ro,<sup>11</sup> theo đó việc xác định và xử lý các tác động được ưu tiên căn cứ vào mức độ nghiêm trọng và xác suất xảy ra của chúng.

Trên cơ sở các rủi ro môi trường đã xác định, doanh nghiệp có nghĩa vụ triển khai các biện pháp phòng ngừa hoặc – nếu phòng ngừa không khả thi – thực hiện các biện pháp giảm thiểu phù hợp. Điều này bao gồm việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa với khung thời gian hợp lý, các mục tiêu rõ ràng, cùng với hệ thống chỉ số định lượng và định tính để đo lường hiệu quả. Các biện pháp phòng ngừa có thể bao gồm việc yêu cầu đối tác kinh doanh cam kết tuân thủ bộ quy tắc môi trường, nâng cấp cơ sở vật chất, quy trình sản xuất, hoặc điều chỉnh chiến lược hoạt động của doanh nghiệp theo hướng giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.<sup>12</sup>

Trong trường hợp xác định được tác động tiêu cực thực tế đến môi trường, doanh nghiệp phải thực hiện các biện pháp thích hợp để khắc phục hoặc, nếu không thể khắc phục ngay lập tức, phải giảm thiểu tối đa mức độ tác động. Kế hoạch khắc phục phải xác định rõ ràng thời hạn và chỉ tiêu đánh giá kết quả, đồng thời phù hợp với mức độ đóng góp của doanh nghiệp trong việc gây ra tác động tiêu cực đến môi trường. Các biện pháp khắc phục có thể bao gồm đầu tư nâng cấp công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, thay đổi quy trình hoạt động hoặc hỗ trợ các đối tác liên quan trong chuỗi cung ứng thực hiện cải cách tương ứng.<sup>13</sup> Nếu không thể loại bỏ hoặc giảm thiểu đáng kể tác động môi trường, doanh nghiệp buộc phải đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh gây ra tác động đó, trừ khi việc chấm dứt được đánh giá là gây ra hậu quả nghiêm trọng hơn đối với môi trường so với tác động ban đầu.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng phải thiết lập cơ chế tiếp nhận khiếu nại minh bạch, dễ tiếp cận và hiệu quả liên quan đến các tác động môi trường. Cơ chế này phải cho phép không chỉ các cá nhân bị ảnh hưởng trực tiếp mà cả các tổ chức xã hội dân sự được quyền thực hiện việc khiếu nại.<sup>14</sup>

Cuối cùng, CSDDD yêu cầu doanh nghiệp tiến hành rà soát lại các biện pháp thẩm định môi trường sau mỗi thay đổi quan trọng và định kỳ ít nhất 12 tháng một lần, nhằm bảo đảm rằng các rủi ro mới có thể phát sinh được nhận diện và xử lý kịp thời.<sup>15</sup> Đồng thời, doanh nghiệp phải công bố thông tin về việc thực hiện thẩm định môi trường trên website chính thức thông qua một báo cáo thường niên, trừ khi đã chịu sự điều chỉnh của nghĩa vụ báo cáo bền vững theo Chỉ thị CSRD.<sup>16</sup>

9 Điều 7 CSDDD.

10 Điều 8 CSDDD.

11 Điều 9 CSDDD.

12 Điều 10 CSDDD.

13 Điều 11 CSDDD.

14 Điều 14 CSDDD.

15 Điều 15 CSDDD.

16 Điều 16 CSDDD.

Việc tham vấn đầy đủ với các bên liên quan<sup>17</sup> trong toàn bộ quá trình thẩm định môi trường là yêu cầu bắt buộc, nhằm bảo đảm rằng doanh nghiệp không chỉ tuân thủ hình thức mà thực sự cụ thể hóa các giá trị bền vững trong hoạt động kinh doanh.<sup>18</sup>

### **3.2. Khoảng trống pháp lý về trách nhiệm giải trình môi trường tại Việt Nam và một số vấn đề đặt ra**

Tại Việt Nam, khái niệm “trách nhiệm giải trình” vẫn luôn được tiếp cận trong hoạt động công vụ và gắn liền với trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đáng chú ý, trách nhiệm giải trình theo cách tiếp cận này cũng bao gồm trường hợp trách nhiệm giải trình trước xã hội, cụ thể là các bên liên đới, toàn thể xã hội và công chúng, chủ yếu thông qua cơ chế tham vấn ý kiến và quá trình giải quyết khiếu nại tố cáo.<sup>19</sup> Trong các hoạt động kinh doanh thương mại, khái niệm “trách nhiệm giải trình” vẫn chưa được ghi nhận một cách chính thống trong các văn bản pháp luật liên quan. Trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp vẫn là một khái niệm tương đối mới mẻ tại Việt Nam. Mặc dù vậy, trong lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế về thương mại (đặc biệt là các cam kết trong EVFTA), Việt Nam đã và đang có những tiếp cận ban đầu đối với chế định trách nhiệm giải trình này trong các lĩnh vực như môi trường và lao động.<sup>20</sup>

Trước hết, hệ thống báo cáo theo CSDDD có thể so sánh với cơ chế công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cụ thể, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã thiết lập nguyên tắc minh bạch thông tin môi trường như một nội dung cốt lõi nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công chúng.<sup>21</sup> Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ công khai thông tin về môi trường trên cổng thông tin điện tử hoặc thông qua các hình thức phù hợp khác, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể liên quan trong việc tiếp cận và giám sát thông tin. Đáng chú ý, Luật này cũng quy định cụ thể nghĩa vụ của tổ chức kinh tế trong việc lập, công bố và cập nhật các loại báo cáo môi trường như: báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh, ngành và quốc gia. Nội dung các báo cáo này bao gồm các số liệu và phân tích về hiện trạng môi trường, các yếu tố tác động tiêu cực, cũng như nhận diện các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái nghiêm trọng, qua đó cung cấp cơ sở khoa học cho hoạt động quản lý môi trường và hoạch định chính sách công. Đối với doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC đã bổ sung yêu cầu bắt buộc công khai thông tin môi trường trong báo cáo thường niên bao gồm tác động môi trường, quản lý nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, nước và vấn đề tuân thủ pháp luật về môi trường.

17 Khái niệm “bên liên quan” trong lĩnh vực môi trường bao gồm không chỉ nhân viên, đối tác mà còn cả người tiêu dùng, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi các tác động môi trường do doanh nghiệp gây ra hoặc có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

18 Điều 13 CSDDD.

19 Nguyễn Quốc Sửu, “Về trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 312(2), 2022, tr. 43-48.

20 Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Thị Thanh Huyền, “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động theo Hiệp định Thương mại tự do EU - Việt Nam và hàm ý chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học - ĐHQG Hà Nội*, số 40(3), 2024, tr. 57-71.

21 Tạ Thị Thùy Trang, “Pháp luật về công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp - góc nhìn từ xu hướng đầu tư cổ phiếu xanh ESG hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 09, 2024, tr. 55-62.

Trong một số lĩnh vực cụ thể như ngân hàng, cơ chế công bố thông tin môi trường bắt đầu được tiếp cận trong báo cáo tổng thể về môi trường, xã hội và quản trị. Ví dụ, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 17/2022/TT-NHNN quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, trong đó yêu cầu các tổ chức tín dụng lồng ghép yếu tố môi trường – xã hội vào hoạt động quản trị rủi ro và quyết định cấp tín dụng.<sup>22</sup> Đặc biệt, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030 và Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng hướng tới việc các ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến bộ ba tiêu chuẩn Môi trường, Xã hội và Quản trị (*Environmental, Social, and Governance, ESG*) bao gồm: tỷ trọng tín dụng xanh, rủi ro môi trường trong danh mục cho vay, và các chính sách quản lý tác động môi trường – xã hội.<sup>23</sup> Tuy nhiên, hiện chưa có các quy định mang tính chất bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại về việc công khai các cam kết và báo cáo kết quả triển khai ESG<sup>24</sup> mà chỉ dựa trên khuyến khích hoặc yêu cầu nội bộ. Đối với các ngân hàng niêm yết bắt buộc phải công bố thông tin môi trường theo pháp luật chứng khoán, quy định của Việt Nam chỉ tập trung vào việc công bố thông tin ở mức độ “kết quả” (ví dụ như tổng phát thải, tỷ lệ sử dụng tài nguyên tái chế...), trong khi đó CSDDD đòi hỏi công bố toàn bộ quá trình thực hiện nghĩa vụ thẩm định, bao gồm: phương pháp đánh giá rủi ro, cách thức tham vấn, kế hoạch khắc phục và các hoạt động giám sát liên tục.

Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam cũng quy định về cơ chế tham vấn các bên liên quan (bao gồm cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư; cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến dự án), tương đồng với quy định tại Điều 6 CSDDD. Cơ chế tham vấn này là yêu cầu bắt buộc đối với các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 33.1 Luật BVMT năm 2020. Mặc dù đã thừa nhận vai trò của cộng đồng trong thẩm định môi trường, song vẫn có khác biệt về hiệu lực và tính ràng buộc pháp lý giữa quy định của Việt Nam so với CSDDD. Trong khi CSDDD quy định nghĩa vụ tham vấn mang tính nền tảng, gắn với nguyên tắc đồng thuận trước, tự do và được thông tin đầy đủ và quyền tham gia của các bên liên quan, đồng thời buộc doanh nghiệp lồng ghép kết quả tham vấn vào chính sách nội bộ, thì Luật BVMT năm 2020 của Việt Nam chỉ dừng lại ở yêu cầu tham vấn trong quá trình lập báo cáo ĐTM, mang tính thủ tục hành chính, chưa có cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phản hồi kết quả và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.

Xét dưới góc độ pháp lý, các quy định hiện hành của Việt Nam về trách nhiệm giải trình môi trường của doanh nghiệp chủ yếu vận hành theo cơ chế tuân thủ, trong đó nghĩa vụ của doanh nghiệp phát sinh sau khi xảy ra vi phạm hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. Cụ thể, Luật BVMT năm 2020 hiện hành đã quy định về vấn đề phân cấp sự cố môi trường, các vấn đề tài chính, các giai đoạn thực hiện hoạt động ứng phó khi có sự cố môi trường xảy ra.<sup>25</sup> Ngoài ra, đối với vấn đề phòng ngừa, Luật quy định doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện kiểm tra theo định kỳ, áp dụng các kỹ

22 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

23 Phần IV Quyết định Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050, tr. 6–7.

24 Lê Ngọc Thắng, “Pháp luật về báo cáo ESG của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 420(1), 2024, tr. 12–20.

25 Nguyễn Thanh Truyền và Vũ Thị Chung Thủy, “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp về bảo vệ môi trường theo pháp luật môi trường Việt Nam”, *Tạp chí Nghề Luật*, số 3, 2025, tr. 40–45.

thuật, biện pháp quản lý và trang thiết bị nhằm loại trừ hoặc giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra sự cố về môi trường. Mặc dù đã có sự tiếp cận ban đầu đối với vấn đề phòng ngừa, giảm thiểu, song quy định này của Việt Nam chỉ dừng lại ở cách tiếp cận khá đơn giản so với cơ chế chủ động, dự báo rủi ro được định hình trong CSDDD. Ngoài ra, nghĩa vụ xây dựng kế hoạch khắc phục chỉ phát sinh khi có vi phạm được phát hiện và xử lý hành chính, hình sự hoặc dân sự, thay vì là nghĩa vụ pháp lý gắn liền với quản trị rủi ro doanh nghiệp. Tức là pháp luật Việt Nam vẫn chưa ban hành quy định liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc xây dựng cơ chế mang tính phòng ngừa như Điều 8 CSDDD. Pháp luật Việt Nam cũng chưa công nhận nghĩa vụ thiết lập cơ chế khiếu nại nội bộ do doanh nghiệp vận hành như cách tiếp cận tại Điều 14 CSDDD.

Trên phương diện hợp tác quốc tế, nội dung về thẩm định tính bền vững và trách nhiệm giải trình được lồng ghép trong Hiệp định EVFTA chủ yếu thông qua Chương 13, đặc biệt tại Điều 13.10 và 13.14. Theo đó, hai Bên cam kết thúc đẩy trách nhiệm xã hội và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp phù hợp với pháp luật, chính sách quốc gia và khuyến khích áp dụng các công cụ quốc tế như Hướng dẫn của OECD và UNGPs. Như vậy, EVFTA không đặt ra nghĩa vụ pháp lý bắt buộc mà thiết lập cơ chế hợp tác mềm nhằm tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về kinh doanh có trách nhiệm và phát triển bền vững. Việc thực thi các cam kết này được triển khai thông qua Nhóm tư vấn trong nước (*Domestic advisory group*, DAG) và Ủy ban hỗn hợp về Thương mại và phát triển bền vững, với chức năng tham vấn, giám sát và khuyến nghị chính sách. EU đã chủ động lồng ghép các nguyên tắc của CSDDD vào đối thoại song phương, qua đó khuyến khích Việt Nam từng bước nội luật hóa các chuẩn mực về thẩm định bền vững và trách nhiệm giải trình môi trường theo hướng tương thích với khung pháp lý của EU.<sup>26</sup> Mặc dù EVFTA không tạo ra nghĩa vụ pháp lý trực tiếp buộc doanh nghiệp Việt Nam phải tuân thủ CSDDD, song việc các doanh nghiệp EU chịu ràng buộc bởi Chỉ thị này đã gián tiếp mở rộng phạm vi tác động của nó sang các đối tác trong chuỗi cung ứng tại Việt Nam. Đồng thời, việc lồng ghép thể hiện trên hai cấp độ: (i) thể chế, khi các nguyên tắc của CSDDD được đưa vào cơ chế đối thoại và giám sát EVFTA; và (ii) thị trường, khi tuân thủ CSDDD trở thành điều kiện thực tế để doanh nghiệp Việt Nam duy trì quan hệ thương mại với các doanh nghiệp EU. Luật BVMT năm 2020 quy định đánh giá tác động môi trường theo hướng tiền kiểm của dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi, tức gắn với giai đoạn chuẩn bị dự án hơn là một chu trình quản trị rủi ro liên tục trong vận hành doanh nghiệp.<sup>27</sup> Điều này cho thấy trọng tâm trách nhiệm thẩm định môi trường vẫn chỉ gắn với hồ sơ dự án và thủ tục hành chính, chưa cấu trúc thành nghĩa vụ thẩm định theo nghĩa rộng gắn với toàn bộ vòng đời dự án, bao gồm nhận diện, đánh giá, giám sát, cập nhật và khắc phục định kỳ như một cơ chế quản trị nội bộ.<sup>28</sup>

Việc thiếu vắng các quy định liên quan đến trách nhiệm giải trình môi trường khiến các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa trang bị đầy đủ kiến thức, năng lực kỹ thuật và nguồn lực tài chính để triển khai các quy

26 EU Domestic Advisory Group under the EVFTA, Statement from the European Union Domestic Advisory Group (2023), [https://policy.trade.ec.europa.eu/eu-trade-relationships-country-and-region/countries-and-regions/viet-nam/eu-viet-nam-agreements/committees-and-dialogues\\_en](https://policy.trade.ec.europa.eu/eu-trade-relationships-country-and-region/countries-and-regions/viet-nam/eu-viet-nam-agreements/committees-and-dialogues_en), truy cập ngày 08/6/2025.

27 Điều 31 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

28 Điều 34 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

trình đánh giá rủi ro xã hội và môi trường theo chuẩn mực quốc tế. Điều này tiềm ẩn nguy cơ bị loại khỏi chuỗi cung ứng nếu không thể chứng minh được sự tuân thủ với các yêu cầu về thẩm định bền vững, đồng thời làm suy giảm năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường EU – một trong những thị trường xuất khẩu lớn và quan trọng của Việt Nam.

Bên cạnh đó, khoảng trống pháp lý về trách nhiệm giải trình môi trường cũng đang đặt ra thách thức đáng kể cho Việt Nam trong quá trình thực thi các cam kết của EVFTA. Mặc dù EVFTA không bắt buộc doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thẩm định như CSDDD, nhưng các điều khoản về thương mại và phát triển bền vững lại yêu cầu các bên tăng cường minh bạch, bảo đảm trách nhiệm trong quản trị môi trường và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế. Trong khi EU đã thiết lập nhiều cơ chế ràng buộc nhằm cụ thể hóa các cam kết này, thì tại Việt Nam, việc thiếu vắng khung pháp lý liên quan dẫn đến sự chênh lệch về năng lực thực thi cam kết giữa hai bên, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận các lợi ích từ EVFTA. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật về trách nhiệm giải trình môi trường là yêu cầu cấp thiết để bảo đảm tính tương thích và hiệu quả thực thi EVFTA trong bối cảnh mới. Pháp luật Việt Nam hiện nay chưa quy định cụ thể “thẩm định môi trường” là một quá trình liên tục trong quản trị rủi ro doanh nghiệp. Theo CSDDD, EDD được xem là công cụ trung tâm để gắn kết yếu tố môi trường vào toàn bộ chuỗi ra quyết định và kiểm soát nội bộ. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam vẫn giới hạn ĐTM như một thủ tục hành chính trước cấp phép, khiến hoạt động giám sát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro môi trường tách rời khỏi cơ chế quản trị doanh nghiệp. Khoảng trống này là cơ sở cho yêu cầu pháp điển hóa nghĩa vụ thẩm định môi trường trong hệ thống pháp luật hiện hành.

Một hạn chế khác trong pháp luật Việt Nam là phạm vi điều chỉnh của trách nhiệm giải trình môi trường chưa bao quát các quan hệ trong chuỗi cung ứng. Hiện nay, các quy định về bảo vệ môi trường mới dừng ở việc yêu cầu doanh nghiệp chịu trách nhiệm đối với tác động phát sinh trực tiếp từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình, mà chưa làm rõ trách nhiệm đối với các hành vi, sản phẩm hoặc dịch vụ của nhà cung ứng và đối tác kinh doanh liên quan. Trong khi đó, các chuẩn mực quốc tế<sup>29</sup> đều xác lập nghĩa vụ phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro môi trường xuyên suốt chuỗi giá trị, ngay cả khi doanh nghiệp không trực tiếp gây ra tác động. CSDDD đã luật hóa xu hướng này khi mở rộng nghĩa vụ thẩm định ra toàn bộ chuỗi cung ứng, bao gồm các công ty con, nhà cung ứng và đối tác kinh doanh đã thiết lập mối quan hệ hợp tác thương mại.

Bên cạnh sự khác biệt về mức độ công bố thông tin và cơ chế tham vấn, pháp luật Việt Nam chưa có những quy định rõ ràng xác lập phạm vi trách nhiệm giải trình môi trường theo chuỗi cung ứng. Khung pháp luật Việt Nam hiện chủ yếu gắn trách nhiệm môi trường với hành vi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của từng doanh nghiệp, chưa thiết lập nghĩa vụ pháp lý về quản trị rủi ro dựa trên quan hệ kinh doanh và mức độ rủi ro trong chuỗi cung ứng. Chẳng hạn, Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định cơ chế tham vấn trong ĐTM gắn với dự án đầu tư và đặt trách nhiệm tham vấn, giải trình kết quả tham vấn lên chủ dự án đầu tư trong quá trình lập báo cáo ĐTM.<sup>30</sup> Khoảng trống

29 Hướng dẫn của OECD về thẩm định trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh có trách nhiệm năm 2018 và UNGPs.

30 Điều 33 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

này làm suy giảm tính tương thích thể chế trong bối cảnh các chuẩn mực quốc tế đang chuyển sang mô hình trách nhiệm giải trình và quản trị rủi ro xuyên chuỗi cung ứng, đồng thời làm tăng rủi ro bị loại khỏi thị trường khi doanh nghiệp không chứng minh được quy trình thẩm định và kiểm soát rủi ro theo yêu cầu của đối tác. Điều này làm giảm mức độ tương thích của hệ thống pháp luật trong việc thực thi các cam kết phát triển bền vững theo EVFTA.

#### **4. Kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trách nhiệm giải trình môi trường đáp ứng yêu cầu của EVFTA**

Ngày 14/7/2023, Chính phủ ban hành Quyết định số 843/QĐ-TTg về “Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam giai đoạn 2023–2027”. Đây là văn bản đầu tiên xác lập định hướng tổng thể về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội và môi trường, được tiếp cận thông qua thuật ngữ “thực hành kinh doanh có trách nhiệm” (*Responsible business practices*, RBP). Mặc dù Quyết định này không đưa ra định nghĩa chính thức về “thực hành kinh doanh có trách nhiệm”, song cách tiếp cận của văn bản này cho thấy sự tương thích với hướng dẫn của OECD và Ủy ban châu Âu về kinh doanh có trách nhiệm, bao gồm hoạt động kinh doanh tuân thủ pháp luật, thực hiện thẩm định dựa trên rủi ro nhằm đánh giá, ngăn chặn và giải quyết các tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội do hoạt động kinh doanh gây ra.<sup>31</sup> Như vậy, nội hàm của thuật ngữ “thực hành kinh doanh có trách nhiệm” đã bao quát các khía cạnh của trách nhiệm giải trình môi trường. Vì vậy, sự ra đời của Chương trình hành động này đã góp phần tạo ra nền tảng quan trọng trong việc thúc đẩy vấn đề trách nhiệm giải trình môi trường của doanh nghiệp trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Điểm đáng chú ý là văn bản này đã sử dụng thuật ngữ “thực hành kinh doanh có trách nhiệm” thay cho “trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”, với quan điểm rằng RBP mang tính ràng buộc pháp lý cao hơn, còn CSR thiên về khuyến khích tự nguyện.<sup>32</sup> Điều này có nghĩa là Việt Nam đã bắt đầu có sự tiệm cận với quan điểm của EU khi nhấn mạnh tính ràng buộc pháp lý liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các vấn đề như bảo vệ môi trường hay quyền con người.

Nhiệm vụ đặt ra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được xác định là: “Nghiên cứu, rà soát pháp luật và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm”.<sup>33</sup> Cách tiếp cận này cho thấy pháp luật Việt Nam hiện hành đang định hình trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp chủ yếu dưới hình thức lồng ghép trong các văn bản pháp luật khác nhau, thay vì thiết lập một khung pháp lý độc lập, chuyên biệt điều chỉnh nghĩa vụ bảo vệ môi trường của chủ thể kinh doanh – như đang được áp dụng tại EU và một số quốc gia thành viên. Trong bối cảnh hiện nay, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường không thể tách rời khỏi chiến lược phát triển, và quản trị doanh nghiệp.

31 Nguyễn Đào Phương Thúy, Phan Thị Kim Ngân, “Vấn đề thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong lĩnh vực lao động theo pháp luật Hoa Kỳ và gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 8(180), 2024, tr. 95–104.

32 Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Thị Thanh Huyền, *tlđđ*, 2024, tr. 66.

33 Đoạn 2.d Phần II (trang 10) Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 14/07/2023 ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam giai đoạn 2023 – 2027.

Như vậy, trách nhiệm của doanh nghiệp trong lĩnh vực môi trường hiện được thiết kế chủ yếu như một hệ quả của vi phạm pháp luật môi trường, chưa được nhìn nhận như một nghĩa vụ pháp lý có tính phòng ngừa, chủ động và có cấu trúc đầy đủ. Do đó, cần hướng đến hoàn thiện các quy định pháp luật về trách nhiệm giải trình môi trường nhằm mục đích tái cấu trúc phương pháp tiếp cận – từ “hậu kiểm” sang “tiền kiểm”, từ “xử phạt” sang “thẩm định”. Trong đó, cần tập trung đến các khía cạnh sau:

*Thứ nhất* là công bố thông tin môi trường. Trong bối cảnh chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh và hội nhập sâu rộng qua các FTA thế hệ mới, đặc biệt là EVFTA, minh bạch thông tin môi trường không còn chỉ là yêu cầu kỹ thuật đơn thuần, mà đã trở thành một cấu phần thiết yếu của trách nhiệm giải trình môi trường. Việc hoàn thiện pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin môi trường của doanh nghiệp cần được tiếp cận trên nền tảng lý luận của quản trị công khai, nguyên tắc phòng ngừa và quyền tiếp cận thông tin môi sinh – vốn đã được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế như Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển năm 1992<sup>34</sup> và tiếp cận các quyền tiếp cận thông tin, tham vấn cộng đồng của Công ước Aarhus về quyền tiếp cận thông tin, tham gia ra quyết định và tiếp cận công lý trong lĩnh vực môi trường năm 1998.<sup>35</sup>

Như đã trình bày, các quy định về công bố thông tin môi trường tại Việt Nam, tuy đã được đề cập trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư 96/2020/TT-BTC (đối với doanh nghiệp niêm yết), hoặc Thông tư 17/2022/TT-NHNN (đối với tổ chức tín dụng), nhưng vẫn chủ yếu mang tính lồng ghép, không nhất quán và thiếu hiệu lực thực thi. Điều này dẫn đến hệ quả là các dữ liệu môi trường thường bị hòa lẫn trong các báo cáo tài chính, không được trình bày theo cấu trúc thống nhất, khó tiếp cận và không có giá trị thực sự trong việc giám sát, đánh giá hay ra quyết định đầu tư. Để khắc phục hạn chế này, pháp luật Việt Nam cần được hoàn thiện theo hướng xác lập nghĩa vụ công bố thông tin môi trường như một nghĩa vụ pháp lý bắt buộc, gắn liền với cơ chế quan hệ nhà đầu tư và báo cáo thường niên của doanh nghiệp niêm yết. Nội dung công bố cần bao gồm: rủi ro môi trường tiềm tàng, chiến lược thích ứng, chỉ tiêu phát thải, sử dụng tài nguyên, và mức độ tuân thủ các chuẩn ESG. Điều này sẽ định hình chuẩn mực công bố ESG bắt buộc, thay vì cơ chế tự nguyện như hiện nay. Ngoài ra, cũng cần xem xét về việc quy định về báo cáo trách nhiệm của doanh nghiệp chuyên biệt cho yếu tố môi trường, tách khỏi các báo cáo tài chính thuần túy, bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu và có thể tiếp cận bởi cộng đồng. Báo cáo này nên được tiêu chuẩn hóa theo các mẫu tham chiếu từ GRI hoặc ESRS, phù hợp với năng lực thực hiện của doanh nghiệp trong từng nhóm ngành và quy mô.

*Thứ hai*, nghĩa vụ thẩm định môi trường nên là một cấu phần thiết yếu trong quản trị doanh nghiệp. Tại Việt Nam, ĐTM hiện nay chủ yếu được coi là một yêu cầu mang tính thủ tục trong giai đoạn xin phép đầu tư. Trong khi đó, thẩm định môi trường theo nghĩa rộng lại bao gồm các nội dung có tính liên tục, gắn với toàn bộ vòng

34 Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển năm 1992 (Rio Declaration on Environment and Development) là văn kiện được thông qua tại Hội nghị Liên Hợp Quốc về Môi trường và Phát triển (United Nations Conference on Environment and Development, UNCED) tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil) từ ngày 3–14/6/1992. Việt Nam tham dự và nhất trí thông qua Tuyên bố Rio năm 1992 với tư cách thành viên Liên Hợp Quốc, do đó cam kết thực hiện các nguyên tắc trong tuyên bố này.

35 Công ước Aarhus năm 1998 (*Convention on Access to Information, Public Participation in Decision-Making and Access to Justice in Environmental Matters*) là điều ước quốc tế có tính ràng buộc pháp lý, được ký tại thành phố Aarhus (Đan Mạch) ngày 25/6/1998. Xem: Jose Felix Pinto-Bazurco, “The Precautionary Principle”, *International Institute for Sustainable Development*, 2020, <https://www.iisd.org/system/files/2020-10/still-one-earth-precautionary-principle.pdf>, truy cập ngày 11/06/2025.

đời dự án và quá trình quản trị nội bộ của doanh nghiệp, bao gồm: (i) xác định và phân tích rủi ro môi trường dựa trên dữ liệu định lượng; (ii) thiết lập các chính sách nội bộ về môi trường, có sự tham vấn với người lao động, cộng đồng bị ảnh hưởng; (iii) lồng ghép các yếu tố môi trường vào cơ chế ra quyết định, đầu tư, quản trị tài chính của doanh nghiệp; (iv) theo dõi, cập nhật, khắc phục và công bố công khai kết quả thực hiện trách nhiệm môi trường.

Vì vậy, cần pháp điển hóa nghĩa vụ thẩm định môi trường trong hệ thống pháp luật Việt Nam thông qua các văn bản như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường và các luật chuyên ngành. Theo đó, Luật Doanh nghiệp cần bổ sung quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp (đặc biệt là hội đồng quản trị, ban điều hành) trong việc xây dựng và thực hiện chính sách quản trị môi trường nội bộ; quy định việc lồng ghép thẩm định môi trường vào hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và công bố thông tin doanh nghiệp. Đặc biệt, trong giai đoạn đầu tiên, cần lưu ý những quy định này áp dụng bắt buộc đối với doanh nghiệp niêm yết, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp có hoạt động trong lĩnh vực có nguy cơ môi trường cao. Đối với Luật Bảo vệ môi trường, cần bổ sung quy định về cơ chế thẩm định môi trường định kỳ (*ex-post EDD*), độc lập với đánh giá tác động môi trường ban đầu; quy định yêu cầu doanh nghiệp lập kế hoạch ứng phó rủi ro môi trường và cập nhật hàng năm, có tham vấn cộng đồng. Bên cạnh đó, cần quy định về yêu cầu thẩm định môi trường cần như một điều kiện bắt buộc đối với các dự án đầu tư thuộc danh mục có nguy cơ tác động lớn đến môi trường, đặc biệt là trong các lĩnh vực như năng lượng, nông nghiệp, xây dựng. Đồng thời, nội dung này cũng cần được áp dụng như một tiêu chí đánh giá trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu công trong các dự án có yếu tố môi trường đáng kể. Để bảo đảm tính khả thi và thống nhất trong thực thi, Nhà nước cần ban hành các hướng dẫn kỹ thuật riêng về quy trình và tiêu chí thực hiện thẩm định môi trường, tham chiếu từ các chuẩn mực và thông lệ quốc tế đang được áp dụng rộng rãi.

*Thứ ba*, cần quy định trách nhiệm giải trình môi trường trong chuỗi cung ứng (Quản lý chuỗi cung ứng có trách nhiệm). Một điểm khác biệt giữa các quy định mới của EU, tiêu biểu là CSDDD và pháp luật Việt Nam hiện hành là phạm vi áp dụng của nghĩa vụ giải trình môi trường.<sup>36</sup> Trong khi pháp luật Việt Nam hiện mới chỉ dừng lại ở việc yêu cầu doanh nghiệp chịu trách nhiệm đối với các hành vi phát sinh từ chính hoạt động của mình,<sup>37</sup> thì xu hướng lập pháp quốc tế đang chuyển mạnh sang mô hình trách nhiệm liên đới trong toàn bộ chuỗi cung ứng, bao gồm cả các bên trung gian, nhà cung ứng và đối tác kinh doanh liên quan. CSDDD yêu cầu doanh nghiệp thực hiện thẩm định đối với các tác động bất lợi về môi trường,<sup>38</sup> không chỉ trong hoạt động của mình mà còn trong hoạt động của công ty con và các đối tác kinh doanh, qua đó phản ánh rõ mô hình trách nhiệm trong chuỗi cung ứng.<sup>39</sup>

Trên cơ sở đó, để hoàn thiện pháp luật trong thời gian tới, cần mở rộng phạm vi trách nhiệm giải trình môi trường của doanh nghiệp ra toàn bộ chuỗi cung ứng trong

36 Nghị viện và Hội đồng Liên minh châu Âu, *Chỉ thị (EU) 2024/1760 ngày 24 tháng 4 năm 2024 về thẩm định tính bền vững của doanh nghiệp và sửa đổi Chỉ thị (EU) 2019/1937*, Điều 1, 5–7.

37 Điều 122, Điều 126 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

38 Directive (EU) 2024/1760 of the European Parliament and of the Council on corporate sustainability due diligence (CSDDD).

39 Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn thẩm định trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh có trách nhiệm (OECD Due Diligence Guidance for Responsible Business Conduct)*, Nxb. OECD, Paris, 2018, tr. 17–21.

nước và xuyên biên giới, phù hợp với yêu cầu thực tiễn hội nhập. Cụ thể, pháp luật cần thiết lập các nghĩa vụ mang tính bắt buộc như sau: (i) Doanh nghiệp phải thực hiện lập bản đồ chuỗi cung ứng nhằm xác định các mắt xích có nguy cơ cao về tác động môi trường; (ii) Thiết lập bộ quy tắc ứng xử về môi trường áp dụng đối với tất cả nhà cung ứng và đối tác trong chuỗi; (iii) Yêu cầu các bên liên quan ký kết cam kết tuân thủ tiêu chuẩn ESG, cung cấp dữ liệu định kỳ, và hợp tác trong các hoạt động kiểm toán hoặc đánh giá độc lập; (iv) Áp dụng các biện pháp phòng ngừa, cảnh báo, và chấm dứt quan hệ hợp tác đối với các nhà cung ứng vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ môi trường.

Ngoài ra, Nhà nước cần ban hành hệ thống tiêu chuẩn tối thiểu về trách nhiệm môi trường trong chuỗi cung ứng, đồng thời thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, pháp lý và tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ – đặc biệt là trong các ngành xuất khẩu chủ lực như dệt may, thủy sản, điện tử – nơi tỷ lệ gia công cao và mức độ phụ thuộc vào nhà cung ứng nội địa rất lớn. ●

### Tài liệu tham khảo

- [1] Juan Dempere, Eseroghene Udjo and Paulo Mattos, “The entrepreneurial impact of the European directive on corporate sustainability due diligence”, *Administrative Sciences*, Vol. 14(10), 2024, DOI: <https://doi.org/10.3390/admsci14100266>
- [2] Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Thị Thanh Huyền, “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động theo Hiệp định Thương mại tự do EU – Việt Nam và hàm ý chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học – ĐHQG Hà Nội*, số 40(3), 2024 [trans: Nguyen Tien Dung, Nguyen Xuan Thu, “Nguyen Thi Thanh Huyen, “Corporate Social Responsibility on Labour under the European Union – Vietnam Free Trade Agreement and Policy Implications for Vietnam”, *VNU Journal of Science: Legal Studies*, Vol. 40(3), 2024]
- [3] James Harrison, “Establishing a meaningful human rights due diligence process for corporations: Learning from experience of human rights impact assessment”, *Impact Assessment and Project Appraisal*, Vol. 31(2), 2013, DOI: <https://doi.org/10.1080/14615517.2013.774718>
- [4] Tarik Lazouni, *Civil society advocacy for human rights and environmental corporate accountability: The case of the EU corporate sustainability due diligence directive*, Internship-based Thesis, University of Geneva – Department of Sociology, 2022
- [5] Michael Mason, *The new accountability: Environmental responsibility across borders*, Earthscan, 2005
- [6] Millennium Ecosystem Assessment, *Ecosystems and human well-being: Biodiversity synthesis*, World Resources Institute, Washington, 2005
- [7] Jose Felix Pinto-Bazurco, “The Precautionary Principle”, *International Institute for Sustainable Development*, 2020
- [8] Nguyễn Quốc Sửu, “Về trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 312(2), 2022 [trans: Nguyen Quoc Suu, “Accountability in Public Administration in Vietnam”, *Journal of State Management*, Vol. 312(2), 2022]
- [9] Lê Ngọc Thắng, “Pháp luật về báo cáo ESG của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 420(1), 2024 [trans: Le Ngoc Thang, “Law on ESG report of Vietnamese commercial banks, *Journal of Democracy and Law*, Vol. 420(1), 2024]
- [10] Nguyễn Đào Phương Thủy, Phan Thị Kim Ngân, “Vấn đề thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong lĩnh vực lao động theo pháp luật Hoa Kỳ và gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 8(180), 2024 [trans: Nguyen Dao Phuong Thuy, Phan Thi Kim Ngan, “Issues of responsible business practice in labor law according to the United State’s law and implications for Vietnam”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 8(180), 2024]
- [11] Tạ Thị Thùy Trang, “Pháp luật về công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp – góc nhìn từ xu hướng đầu tư cổ phiếu xanh ESG hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 09, 2024 [trans: Ta Thi Thuy Trang, “Law on enterprise environmental information disclosure – Perspectives from the current investment trends of ESG green stocks”, *Journal of Procuratorate Studies*, Vol. 09, 2024]
- [12] World Resources Institute và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), *Human Development Report 1999*, Nxb. Đại học Oxford, New York, 1999